

**TỔNG QUAN**

**KINH TẾ VIỆT NAM 2021-2022**

***Phục hồi, cơ hội và rủi ro***

***(tóm tắt)***

***Hà Nội-10/2021***

# **MỤC LỤC**

[**MỤC LỤC** 1](#_Toc86865460)

[**TÓM TẮT** 2](#_Toc86865461)

[**GIỚI THIỆU** 5](#_Toc86865462)

[**PHẦN 1: TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ NĂM 2021** 8](#_Toc86865463)

[I. Tăng trưởng thực tế và tăng trưởng tiềm năng 8](#_Toc86865464)

[II. Các yếu tố ảnh hưởng tới bức tranh tăng trưởng năm 2021 16](#_Toc86865465)

[2.1. Kinh tế thế giới phục hồi 16](#_Toc86865466)

[2.2. Thương mại đóng góp cho tăng trưởng 17](#_Toc86865467)

[2.3. Đầu tư công gặp nhiều khó khăn 19](#_Toc86865468)

[2.4. Thu hút và giải ngân vốn FDI cũng chịu nhiều ảnh hưởng 20](#_Toc86865469)

[2.5. Kinh tế vĩ mô tương đối ổn định 21](#_Toc86865470)

[2.6. Thị trường lao động và sự dịch chuyển lao động 22](#_Toc86865471)

[2.7. Khu vực doanh nghiệp bị ảnh hưởng không đồng đều 26](#_Toc86865472)

[2.8. Năng suất lao động thay đổi 29](#_Toc86865473)

[**PHẦN 2: CƠ HỘI, RỦI RO TRONG PHỤC HỒI TĂNG TRƯỞNG** 34](#_Toc86865474)

[I. Các cơ hội 34](#_Toc86865475)

[1.1. Kinh tế thế giới tiếp tục hồi phục 34](#_Toc86865476)

[1.2. Dòng đầu tư FDI quốc tế phục hồi 34](#_Toc86865477)

[1.3. Thay đổi trong tiếp cận kiểm soát COVID-19, tiếp tục các gói hỗ trợ 36](#_Toc86865478)

[1.4. Thực hiện các FTA vẫn tiếp tục giúp duy trì xuất khẩu 39](#_Toc86865479)

[II. Các rủi ro 40](#_Toc86865480)

[2.1. Biến động giá cả tiếp tục khó lường và có ảnh hưởng lớn 40](#_Toc86865481)

[2.2. Chi phí logistic và sự gián đoạn các chuỗi cung ứng 43](#_Toc86865482)

[2.3. Ảnh hưởng của các gói hỗ trợ, kích thích kinh tế toàn cầu 45](#_Toc86865483)

[2.4. Thắt chặt điều kiện tài chính toàn cầu 47](#_Toc86865484)

[2.5. Rủi ro từ xu hướng chuyển dịch của dòng vốn trong nước 50](#_Toc86865485)

[2.6. Nguy cơ nợ xấu tái cơ cấu là rất lớn 52](#_Toc86865486)

[2.7. Thu – chi ngân sách bị ảnh hưởng, xuất hiện nhiều khó khăn 53](#_Toc86865487)

[2.8. Thiếu hụt lao động tại các trung tâm công nghiệp lớn 55](#_Toc86865488)

[**PHẦN III: TĂNG TRƯỞNG 2021-2022 VÀ MỘT SỐ NGỤ Ý CHÍNH SÁCH** 58](#_Toc86865489)

[I. Tăng trưởng năm 2021 58](#_Toc86865490)

[II. Tăng trưởng năm 2022 59](#_Toc86865491)

[III. Một số ngụ ý chính sách trong thời gian tới 60](#_Toc86865492)

[3.1. Trong ngắn hạn 60](#_Toc86865493)

[3.2. Trong trung và dài hạn 62](#_Toc86865494)

# **GIỚI THIỆU**

1. Báo cáo này được thực hiện trong khuôn khổ Diễn đàn Nhịp đập Kinh tế Việt Nam do Tổ chức phát triển Liên hiệp quốc (UNDP), Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia (NCIF) và Đại học Fullbright Việt Nam (FUV) đồng tổ chức mỗi năm hai lần với mục tiêu phân tích và đánh giá những vấn đề nổi bật ảnh hưởng tới tăng trưởng và phát triển của kinh tế Việt Nam trong ngắn và trung hạn[[1]](#footnote-2). Vào thời điểm báo cáo được hoàn thiện (10/2021), Việt Nam vẫn đang chống chọi với đợt dịch COVID-19 lần thứ 4 (kéo dài từ Quý II/2021) đặc biệt là hai vùng động lực kinh tế phía Nam và phía Bắc, làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội (KTXH) của cả nước.
2. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam đã trải qua khá nhiều biến động kể từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát vào đầu năm 2020. Nửa đầu năm 2020 tăng trưởng GDP giảm sâu, đặc biệt trong Quý II còn 0,39%, nửa cuối năm hồi phục mạnh nhưng cả năm cũng chỉ đạt mức 2,91%, thấp hơn so với thời điểm trước đại dịch COVID-19 (trên 6,5%). Trong năm 2020, sự cố gắng của Chính phủ trong thúc đẩy đầu tư công, xuất khẩu, thu hút FDI và những biện pháp hỗ trợ đã phần nào giúp kinh tế phục hồi hồi nhanh. Mặc dù vậy, nền kinh tế vẫn nảy sinh một loạt vấn đề: Các thị trường tài sản bước đầu xuất hiện những dấu hiệu của bong bóng giá; Khu vực tài chính hưởng lợi nhiều hơn từ sự mở rộng tài khóa và tiền tệ so với khu vực sản xuất; Lãi suất các khoản vay của các doanh nghiệp khu vực sản xuất vẫn ở mức cao, ngân hàng có lợi nhuận lớn, các gói hỗ trợ được triển khai chậm do vướng mắc về thủ tục nhận hỗ trợ cũng như cách thức tiến hành.
3. Sang năm 2021, trong khi số liệu kinh tế xã hội Quý II và nửa đầu năm 2021 được Tổng cục Thống kê công bố với nhiều tín hiệu tích cực (GDP tăng trưởng 6,62% so với mức cùng kỳ 0,39% của năm 2020), kết quả công bố trong Quý III/2021 cho thấy bức tranh đảo ngược với nhiều điểm tối, phần lớn do tắc nghẽn trong lưu thông hàng hóa và dịch vụ khi các tỉnh thuộc cả hai đầu tàu kinh tế áp dụng các biện pháp phong tỏa. Những nhận định gần đây đều đồng thuận rằng nền kinh tế khó có thể phục hồi nhanh do ảnh hưởng trong Quý III là nghiêm trọng và thời điểm Quý IV/2021 cũng như đầu năm 2022 rất cần biện pháp cấp bách, nhất là các biện pháp kiểm soát dịch bệnh, để đảm bảo khơi thông được những tắc nghẽn trong nền kinh tế. Đợt dịch lần thứ 4 cũng đã bộc lộ rất nhiều vấn đề trong phân cấp, quản lý điều hành cũng như sức chống chịu của doanh nghiệp và người dân trong Đại dịch:
* *Một là,* công tác phòng chống dịch, đặc biệt là các biện pháp giãn cách xã hội, phong tỏa trên diện rộng không nhất quán giữa các địa phương đã không còn phù hợp và tạo ra những hệ lụy rất nghiêm trọng, gây ra tắc nghẽn toàn bộ các hoạt động sản xuất và lưu thông. Phân mảnh, cục bộ giữa các địa phương, bộ, ngành trong các biện pháp kiểm soát dịch bệnh và đảm bảo lưu thông hàng hóa và dịch vụ một cách an toàn làm tăng thêm tính rủi ro và giảm kỳ vọng phục hồi nhanh.
* *Hai là,* trong vòng gần hai năm qua với nhiều đợt dịch khác nhau, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống người dân bị ảnh hưởng nặng nề và kéo dài, COVID-19 không còn được coi là sự gián đoạn đơn thuần mà đã và đang làm thay đổi cấu trúc kinh tế cũng như các hành vi đầu tư sản xuất, tiết kiệm, tiêu dùng…
* *Ba là,* các động lực kinh tế trong ngắn hạn và trung hạn, sức chống chịu của cả doanh nghiệp và người dân đã bị ảnh hưởng. Tỷ lệ doanh nghiệp đóng cửa hoặc bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tăng lên rất cao (hơn 90%). Nguy cơ thiếu hụt nguồn cung lao động trong ngắn hạn do khoảng 1,3 triệu lao động tạm rời các tỉnh khu vực phía Nam đe dọa phục hồi sản xuất của hàng loạt doanh nghiệp trong các khu công nghiệp. Huy động vốn có thể tiếp tục bị ách tắc do rủi ro nợ xấu từ khu vực ngân hàng và lãi suất dài hạn không giảm, nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ bên ngoài bị tắc nghẽn. Năng suất lao động bị ảnh hưởng do xáo trộn trong bố trí sản xuất và đình trệ trong lưu thông làm giảm hiệu quả.
* *Bốn là*, từ bên ngoài, vẫn còn rủi ro dịch bùng phát lại do các biến chủng mới và tỷ lệ bao phủ vaccine ở nhiều khu vực chưa cao, đặc biệt là tại châu Phi cho thấy triển vọng không mấy sáng sủa của các thị trường bên ngoài. Rủi ro những bất ổn do COVID-19 kết hợp với các biến động địa chính trị đang làm giảm động lực đầu tư ra bên ngoài của dòng dài hạn như FDI.
1. Mặc dù vậy, đánh giá gần đây cũng cho thấy trong cả giai đoạn 2021-2025 nền kinh tế vẫn có những nhân tố tích cực ảnh hưởng đến thị trường các yếu tố sản xuất, đặc biệt là yếu tố vốn. Ở bên ngoài: (1) các gói kích thích kích tài khóa rất lớn của các quốc gia (Mỹ, EU, Nhật) giúp các nền kinh tế phục hồi nhanh hơn dự đoán, là nhân tố tốt giúp kinh tế Việt Nam phục hồi tăng trưởng thông qua xuất khẩu và thu hút FDI; (2) việc bơm thêm tài khóa cùng với việc hạ lãi suất để kích thích tăng trưởng cũng tạo ra luồng vốn rẻ, ngắn hạn từ bên ngoài; (3) xu hướng dịch chuyển chuỗi giá trị và đa dạng hóa nguồn cung có thể là yếu tố giúp Việt Nam thu hút thêm dòng vốn từ bên ngoài.
2. Trong bối cảnh nguồn vốn bên ngoài có nhiều biến động và rủi ro hơn, ở trong nước, có nhiều yếu tố đã và đang ảnh hưởng đến việc huy động và sử dụng các dòng vốn: (1) tái cơ cấu ngân hàng và chủ trương lãi suất thấp cho sản xuất tiếp tục được thực hiện. Tuy nhiên, sức ép về an toàn vốn và lãi suất cho vay dài hạn vẫn tiếp tục cao làm giảm động lực đầu tư cho khu vực sản xuất; (2) vốn rẻ ngắn hạn trong khi cơ hội sản xuất kinh doanh trong bối cảnh đại dịch COVID-19 chưa nhiều dẫn đến dòng vốn chảy vào lĩnh vực không được khuyến khích như BĐS và thị trường chứng khoán, làm hai thị trường này nóng lên nhanh kể từ đầu năm 2021.
3. Tiếp theo những báo cáo tổng quan của các diễn đàn trước, mục tiêu chính của báo cáo lần này là đánh giá các vấn đề nổi bật của kinh tế Việt Nam từ đầu năm 2021 đặc biệt là về tăng trưởng kinh tế và động lực cho tăng trưởng. Quan trọng hơn, báo cáo tập trung phân tích những thách thức, rủi ro, cơ hội của triển vọng kinh tế trong giai đoạn tiếp theo của năm 2021, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp ngắn hạn và trung hạn phục vụ cho điều hành kinh tế, đặc biệt là Chương trình phục hồi kinh tế do Chính phủ đang chuẩn bị trong bối cảnh dịch COVID-19 vẫn rất khó đoán định.
4. Với tên gọi là Tổng quan kinh tế, Báo cáo không chỉ liệt kê và mô tả các biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô, trên cơ sở sử dụng các phương pháp phân tích định lượng (phân tích tăng trưởng tiềm năng, phân tích dịch chuyển năng suất, sử dụng mô hình kinh tế lượng toàn cầu để phân tích tác động…) báo cáo đánh giá sâu những động lực tăng trưởng đáng chú ý nhất và có tính trung hạn (như năng suất, đầu tư, ảnh hưởng của các gói hỗ trợ, biến động giá cả…) cả từ bên trong và bên ngoài.
5. Báo cáo gồm 3 phần chính. Phần I tập trung phân tích về bức tranh tăng trưởng năm 2021 và những yếu tố ảnh hưởng tới nền tảng tăng trưởng tính tới thời điểm hết Quý III/2021. Có hai nội dung chính được đề cập, một là tăng trưởng và phân tích tiềm năng tăng trưởng, trong đó đưa ra kết luận về việc thay đổi đường tiềm năng tăng trưởng do dịch COVID-19 gây ra. Hai là điểm lại những nét chính của kinh tế Việt Nam dưới góc độ các yếu tố cho tăng trưởng, xem xét và phân tích không chỉ trong giai đoạn 9 tháng đầu năm 2021 mà cả giai đoan trước dịch COVID-19 nhằm chỉ rõ dịch COVID-19 đã thay đổi các xu hướng lớn như thế nào. Phần II của báo cáo tập trung phân tích rủi ro, cơ hội trong phục hồi tăng trưởng thời gian tới, trong đó tập trung vào những vấn đề cả trong ngắn và trung hạn. Trên cơ sở phân tích trong Phần I và II, Phần III của Báo cáo tập trung đưa ra dự báo tăng trưởng cho năm 2021, 2022 và đề xuất một số ngụ ý chính sách nhằm phục hồi tăng trưởng. Cần lưu ý rằng các kết quả dự báo tăng trưởng cho 2021-2022 có thể thay đổi nhanh tùy thuộc vào tình hình kiểm soát dịch bệnh và phục hồi của doanh nghiệp trong vài tháng tới.

# **TÓM TẮT**

1. Năm 2021, Việt nam thực sự đối mặt với COVID-19 ở một quy mô và mức độ nghiêm trọng hơn rất nhiều so với năm 2020. Nền kinh tế, vì vậy, bị ảnh hưởng nặng nề đồng thời cũng bộc lộ rất nhiều vấn đề cả trong ngắn và trung hạn. Báo cáo này, trong khuôn khổ Diễn đàn Nhịp đập kinh tế Việt Nam, được thiết kế nhằm tổng quan những nét chính của kinh tế Việt Nam, xác định những cơ hội, rủi ro trong phục hồi tăng trưởng thời gian tới, đặc biệt trong năm 2022.
2. Kinh tế Việt Nam trong năm 2021 có thể chia làm hai giai đoạn rõ rệt. Trong Quý I và Quý II, tăng trưởng kinh tế phục hồi nhanh từ nền tảng bị ảnh hưởng vừa phải trong Quý II/2020 và sự phục hồi của cầu tiêu dùng từ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước cũng như các biện pháp thúc đẩy đầu tư công, các gói an sinh và hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp.GDP tăng trưởng 6,61% so với mức cùng kỳ 0,39% của năm 2020. Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô tương đối ổn định, lạm phát thấp, xuất khẩu và thu hút đầu tư đều đạt khá.
3. Kể từ Quý III/2021, nền kinh tế đảo chiều, với nhiều điểm tối, phần lớn do tắc nghẽn trong lưu thông hàng hóa và dịch vụ trong nước khi các đầu tàu kinh tế đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Sản xuất công nghiệp bị đình trệ, chuỗi cung ứng trong nước đứt gãy, tiêu dùng dân cư suy giảm, xuất khẩu tăng chậm (2,51%). Tỷ lệ sử dụng lao động bị sụt giảm ở hầu hết các ngành động lực cho xuất khẩu. Trên 90% doanh nghiệp khai báo bị ảnh hưởng, tỷ lệ doanh nghiệp đóng cửa, tạm thời dừng hoạt động tăng đột biến (14,1%), tỷ lệ doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn phải đóng cửa cũng tăng lên cho thấy COVID-19 đã ảnh hưởng khá sâu và sức chống chịu của doanh nghiệp là rất mỏng.
4. Không chỉ ảnh hưởng ngắn hạn, COVID-19 trong giai đoạn 2020-2021 cho thấy khả năng ảnh hưởng tới một số yếu tố dài hạn của tăng trưởng. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động dưới tiềm năng tăng, cấu trúc lao động thay đổi do dịch chuyển giữa các ngành, vốn đầu tư sụt giảm do đầu tư công không thể giải ngân đúng tiến độ, đầu tư tư nhân và FDI đều tăng chậm. Đường tiềm năng tăng trưởng có xu hướng đi xuống từ mức trung bình 7,3% xuống còn 2,5%.
5. Năng suất lao động cũng có sự thay đổi. Mặc dù trong dài hạn, vai trò của NSLĐ ngày càng lớn, năm 2020, COVID-19 đã ảnh hưởng tới cả NSLĐ và số lượng lao động qua đó làm giảm tăng trưởng. Tốc độ tăng NSLĐ giảm còn 5,5% so với 6,4% trong năm 2019. Tỷ lệ đóng góp của các ngành trong tăng NSLĐ cũng đã thay đổi theo hướng vai trò của công nghiệp và dịch vụ giảm đi (4 và 7 điểm %). Phân tách NSLĐ cũng cho thấy tác động của chuyển dịch cơ cấu tĩnh giảm mạnh từ 43,7% xuống 9%, tác động của chuyển dịch cơ cấu động mang dấu âm, tức là có sự chuyển dịch từ ngành có NSLĐ cao sang ngành thấp hơn. Đây là những xu hướng tiêu cực trong chuyển dịch lao động. Phần lớn tăng NSLĐ của Việt Nam vẫn là do tăng NSLĐ nội ngành.
6. Qúy IV/2021 và thời gian tới, nền kinh tế đối mặt với một số cơ hội và khá nhiều thách thức, rủi ro đe dọa khả năng phục hồi nhanh. Cơ hội tập trung ở một số điểm: (1) Kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi nhanh, do tỷ lệ tiêm vaccine ở các động lực kinh tế toàn cầu khá cao đặc biệt là khu vực EU, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản. Thu nhập tăng sẽ kéo theo cầu xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam tăng cao; (2) dòng đầu tư FDI đang phục hồi khá nhanh và kỳ vọng sẽ trở về mức trước COVID-19 (1,4 nghìn tỷ USD) vào cuối năm 2022; (3) các FTA, đặc biệt ba hiệp định lớn bao gồm CPTPP, EVFTA và RCEP đi vào thực hiện ở những năm đầu tiên với mức độ cắt giảm thuế quan lớn giúp phục hồi xuất khẩu và sản xuất; (4) Các quốc gia và ngay cả Chính phủ Việt Nam đã thay đổi cách thức, quan điểm chống dịch, theo đó các biện pháp giãn cách, phong tỏa được giảm thiểu, tạo điều kiện cho lưu thông hàng hóa và con người, qua đó phục hồi về cầu tiêu dùng cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh.
7. Tuy nhiên, một loạt rủi ro cũng đang đặt ra trong ngắn và trung hạn, cả từ bên ngoài và nội tại nền kinh tế. Các rủi ro bên trong bao gồm:
	* 1. Rủi ro từ chuyển dịch các dòng vốn trong nước, trong đó đáng ngại nhất là việc dòng vốn có thể rò rỉ sang các lĩnh vực nhiều rủi ro như bất động sản, chứng khoán trong khi vốn cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vẫn đang thiếu hụt.
		2. Nguy cơ nợ xấu đang tăng cao, ảnh hưởng tới an toàn của hệ thống tài chính ngân hàng. Nợ xấu nội bảng đến cuối tháng 6/2021 tăng lên 1,73% (so với 1,18% giữa năm 2020). Nếu cộng gộp tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ bán cho VAMC chưa xử lý và các khoản tiềm ẩn... tăng lên 3,66%, và nếu tính cả các khoản nợ không bị chuyển nợ xấu do được cơ cấu lại, miễn, giảm lãi thì tỷ lệ này lên tới 7,21% (chưa tính số nợ xấu gia tăng trong Quý III/2021).
		3. Thu - chi ngân sách nhà nước khó khăn do các khoản thu có tính bền vững từ thuế giảm, trong khi đó nhu cầu chi tăng lên nhanh do các hoạt động phòng chống dịch và hỗ trợ doanh nghiệp và người dân.
		4. Phục hồi lao động tại các vùng sản xuất động lực có thể chậm, ảnh hưởng trực tiếp tới tăng trưởng trong ngắn và trung hạn.
8. Từ bên ngoài, một loạt các rủi ro cũng đe dọa khả năng phục hồi trong năm 2022, bao gồm:
9. Biến động giá cả nguyên liệu, dầu, lương thực thực phẩm là rất lớn kể từ đầu năm 2020, đe dọa giá nhập khẩu gia tăng, ảnh hưởng trực tiếp tới giá thành sản xuất do Việt Nam phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu bên ngoài. Nguy cơ nhập khẩu lạm phát là hiện hữu, đặc biệt sức ép lạm phát từ bên ngoài sẽ tăng mạnh trong các Quý IV/2021 và hai quý đầu năm 2022. Dự báo cho thấy việc giá dầu tăng đến cuối năm 2021 có thể ảnh hưởng tới 1 điểm % lạm phát trong nước. Đây cũng là khoảng thời gian rất quan trọng đối với kinh tế Việt Nam, quyết định sự phục hồi trong trung hạn.
10. Chi phí logistics tăng cao và khó có khả năng về mốc trước COVID-19 vào cuối năm 2022. Trong ngắn hạn, chi phí logistics ảnh hưởng tiêu cực tới cả xuất và nhập khẩu (giảm tốc độ tăng xuất, nhập khẩu khoảng 0,2-0,4 điểm % đồng thời cũng tạo sức ép lên lạm phát. Trong dài hạn, nếu chi phí logistics tiếp tục tăng hoặc giữ ở mức cao, có thể làm tái định hình chuỗi cung ứng toàn cầu trong bối cảnh năng lực cạnh tranh và hạ tầng logistics ở Việt Nam kém phát triển, vì vậy có thể ảnh hưởng dài hạn tới đầu tư.
11. Các gói hỗ trợ “chưa từng có” của các quốc gia như EU, Mỹ và Nhật Bản được đánh giá là có tác động khá tích cực tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu cũng như có ảnh hưởng tới Việt Nam. Tuy nhiên, tùy vào quan hệ thương mại, độ mở thị trường và tài chính, cũng như hình thức hỗ trợ, ảnh hưởng của các gói này là khác nhau, dù vậy tác động tích cực cũng chỉ kéo dài đến hết năm 2024.
12. Trước những cơ hội và rủi ro cả bên trong và bên ngoài, kinh tế Quý IV/2021 khó có khả năng phục hồi nhanh, và vì vậy tăng trưởng năm 2021 của Việt Nam trong điều kiện tốt nhất sẽ vào khoảng gần 2%, khả dĩ hơn là khoảng từ 1,5-2%. Trong trường hợp phục hồi chậm và nhiều tình huống xấu do kiểm soát dịch bệnh, kinh tế 2021 có thể tăng trưởng ở mức khoảng 0,8%. Sang năm 2022, tùy vào bối cảnh thuận lợi cả trong và ngoài nước, tăng trưởng GDP được dự báo trong khoảng 5,8% và 6,7% trong kịch bản cao.
13. Trên cơ sở đánh giá những cơ hội và rủi ro của nền kinh tế, cũng như thực tế tăng trưởng trong thời gian COVID-19, để đảm bảo tăng trưởng và phục hồi nhanh, bền vững, cần một loạt giải pháp chính sách cả trong ngắn và dài hạn.
14. Trong ngắn hạn: là các biện pháp kiểm soát hợp lý COVID-19 kết hợp với gia tăng độ bao phủ vaccine. Các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người dân vượt qua khó khăn ngắn hạn vẫn cần được thực hiện khẩn trương, tuy nhiên cần chú ý về chi phí thực hiện chính sách, cũng như hiệu lực thực thi chính sách tương đối thấp hiện nay.
15. Trong dài hạn, cần chú ý cải thiện năng suất lao động, môi trường kinh doanh, đặc biệt cần coi chương trình hỗ trợ phục hồi kinh tế như một cơ hội để tái cấu trúc nền kinh tế, đổi mới thể chế chính sách, thực thi nghiêm kỷ luật công vụ và có những điều chỉnh phù hợp với phân cấp quản lý nhà nước. Các biện pháp thúc đẩy đầu tư công, đặc biệt là đầu tư cải thiện hạ tầng số và thúc đẩy doanh nghiệp áp dụng chuyển đổi số là cần thiết. Đồng thời, tận dụng gói hỗ trợ để phát triển một số ngành mũi nhọn, cải thiện chuỗi cung ứng và phát triển công nghiệp phụ trợ ở Việt Nam.

# **TÓM TẮT**

1. Năm 2021, Việt nam thực sự đối mặt với COVID-19 ở một quy mô và mức độ nghiêm trọng hơn rất nhiều so với năm 2020. Nền kinh tế, vì vậy, bị ảnh hưởng nặng nề đồng thời cũng bộc lộ rất nhiều vấn đề cả trong ngắn và trung hạn. Báo cáo này, trong khuôn khổ Diễn đàn Nhịp đập kinh tế Việt Nam, được thiết kế nhằm tổng quan những nét chính của kinh tế Việt Nam, xác định những cơ hội, rủi ro trong phục hồi tăng trưởng thời gian tới, đặc biệt trong năm 2022.
2. Kinh tế Việt Nam trong năm 2021 có thể chia làm hai giai đoạn rõ rệt. Trong Quý I và Quý II, tăng trưởng kinh tế phục hồi nhanh từ nền tảng bị ảnh hưởng vừa phải trong Quý II/2020 và sự phục hồi của cầu tiêu dùng từ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước cũng như các biện pháp thúc đẩy đầu tư công, các gói an sinh và hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp.GDP tăng trưởng 6,61% so với mức cùng kỳ 0,39% của năm 2020. Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô tương đối ổn định, lạm phát thấp, xuất khẩu và thu hút đầu tư đều đạt khá.
3. Kể từ Quý III/2021, nền kinh tế đảo chiều, với nhiều điểm tối, phần lớn do tắc nghẽn trong lưu thông hàng hóa và dịch vụ trong nước khi các đầu tàu kinh tế đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Sản xuất công nghiệp bị đình trệ, chuỗi cung ứng trong nước đứt gãy, tiêu dùng dân cư suy giảm, xuất khẩu tăng chậm (2,51%). Tỷ lệ sử dụng lao động bị sụt giảm ở hầu hết các ngành động lực cho xuất khẩu. Trên 90% doanh nghiệp khai báo bị ảnh hưởng, tỷ lệ doanh nghiệp đóng cửa, tạm thời dừng hoạt động tăng đột biến (14,1%), tỷ lệ doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn phải đóng cửa cũng tăng lên cho thấy COVID-19 đã ảnh hưởng khá sâu và sức chống chịu của doanh nghiệp là rất mỏng.
4. Không chỉ ảnh hưởng ngắn hạn, COVID-19 trong giai đoạn 2020-2021 cho thấy khả năng ảnh hưởng tới một số yếu tố dài hạn của tăng trưởng. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động dưới tiềm năng tăng, cấu trúc lao động thay đổi do dịch chuyển giữa các ngành, vốn đầu tư sụt giảm do đầu tư công không thể giải ngân đúng tiến độ, đầu tư tư nhân và FDI đều tăng chậm. Đường tiềm năng tăng trưởng có xu hướng đi xuống từ mức trung bình 7,3% xuống còn 2,5%.
5. Năng suất lao động cũng có sự thay đổi. Mặc dù trong dài hạn, vai trò của NSLĐ ngày càng lớn, năm 2020, COVID-19 đã ảnh hưởng tới cả NSLĐ và số lượng lao động qua đó làm giảm tăng trưởng. Tốc độ tăng NSLĐ giảm còn 5,5% so với 6,4% trong năm 2019. Tỷ lệ đóng góp của các ngành trong tăng NSLĐ cũng đã thay đổi theo hướng vai trò của công nghiệp và dịch vụ giảm đi (4 và 7 điểm %). Phân tách NSLĐ cũng cho thấy tác động của chuyển dịch cơ cấu tĩnh giảm mạnh từ 43,7% xuống 9%, tác động của chuyển dịch cơ cấu động mang dấu âm, tức là có sự chuyển dịch từ ngành có NSLĐ cao sang ngành thấp hơn. Đây là những xu hướng tiêu cực trong chuyển dịch lao động. Phần lớn tăng NSLĐ của Việt Nam vẫn là do tăng NSLĐ nội ngành.
6. Qúy IV/2021 và thời gian tới, nền kinh tế đối mặt với một số cơ hội và khá nhiều thách thức, rủi ro đe dọa khả năng phục hồi nhanh. Cơ hội tập trung ở một số điểm: (1) Kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi nhanh, do tỷ lệ tiêm vaccine ở các động lực kinh tế toàn cầu khá cao đặc biệt là khu vực EU, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản. Thu nhập tăng sẽ kéo theo cầu xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam tăng cao; (2) dòng đầu tư FDI đang phục hồi khá nhanh và kỳ vọng sẽ trở về mức trước COVID-19 (1,4 nghìn tỷ USD) vào cuối năm 2022; (3) các FTA, đặc biệt ba hiệp định lớn bao gồm CPTPP, EVFTA và RCEP đi vào thực hiện ở những năm đầu tiên với mức độ cắt giảm thuế quan lớn giúp phục hồi xuất khẩu và sản xuất; (4) Các quốc gia và ngay cả Chính phủ Việt Nam đã thay đổi cách thức, quan điểm chống dịch, theo đó các biện pháp giãn cách, phong tỏa được giảm thiểu, tạo điều kiện cho lưu thông hàng hóa và con người, qua đó phục hồi về cầu tiêu dùng cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh.
7. Tuy nhiên, một loạt rủi ro cũng đang đặt ra trong ngắn và trung hạn, cả từ bên ngoài và nội tại nền kinh tế. Các rủi ro bên trong bao gồm:
	* 1. Rủi ro từ chuyển dịch các dòng vốn trong nước, trong đó đáng ngại nhất là việc dòng vốn có thể rò rỉ sang các lĩnh vực nhiều rủi ro như bất động sản, chứng khoán trong khi vốn cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vẫn đang thiếu hụt.
		2. Nguy cơ nợ xấu đang tăng cao, ảnh hưởng tới an toàn của hệ thống tài chính ngân hàng. Nợ xấu nội bảng đến cuối tháng 6/2021 tăng lên 1,73% (so với 1,18% giữa năm 2020). Nếu cộng gộp tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ bán cho VAMC chưa xử lý và các khoản tiềm ẩn... tăng lên 3,66%, và nếu tính cả các khoản nợ không bị chuyển nợ xấu do được cơ cấu lại, miễn, giảm lãi thì tỷ lệ này lên tới 7,21% (chưa tính số nợ xấu gia tăng trong Quý III/2021).
		3. Thu - chi ngân sách nhà nước khó khăn do các khoản thu có tính bền vững từ thuế giảm, trong khi đó nhu cầu chi tăng lên nhanh do các hoạt động phòng chống dịch và hỗ trợ doanh nghiệp và người dân.
		4. Phục hồi lao động tại các vùng sản xuất động lực có thể chậm, ảnh hưởng trực tiếp tới tăng trưởng trong ngắn và trung hạn.
8. Từ bên ngoài, một loạt các rủi ro cũng đe dọa khả năng phục hồi trong năm 2022, bao gồm:
	* 1. Biến động giá cả nguyên liệu, dầu, lương thực thực phẩm là rất lớn kể từ đầu năm 2020, đe dọa giá nhập khẩu gia tăng, ảnh hưởng trực tiếp tới giá thành sản xuất do Việt Nam phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu bên ngoài. Nguy cơ nhập khẩu lạm phát là hiện hữu, đặc biệt sức ép lạm phát từ bên ngoài sẽ tăng mạnh trong các Quý IV/2021 và hai quý đầu năm 2022. Dự báo cho thấy việc giá dầu tăng đến cuối năm 2021 có thể ảnh hưởng tới 1 điểm % lạm phát trong nước. Đây cũng là khoảng thời gian rất quan trọng đối với kinh tế Việt Nam, quyết định sự phục hồi trong trung hạn.
		2. Chi phí logistics tăng cao và khó có khả năng về mốc trước COVID-19 vào cuối năm 2022. Trong ngắn hạn, chi phí logistics ảnh hưởng tiêu cực tới cả xuất và nhập khẩu (giảm tốc độ tăng xuất, nhập khẩu khoảng 0,2-0,4 điểm % đồng thời cũng tạo sức ép lên lạm phát. Trong dài hạn, nếu chi phí logistics tiếp tục tăng hoặc giữ ở mức cao, có thể làm tái định hình chuỗi cung ứng toàn cầu trong bối cảnh năng lực cạnh tranh và hạ tầng logistics ở Việt Nam kém phát triển, vì vậy có thể ảnh hưởng dài hạn tới đầu tư.
		3. Các gói hỗ trợ “chưa từng có” của các quốc gia như EU, Mỹ và Nhật Bản được đánh giá là có tác động khá tích cực tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu cũng như có ảnh hưởng tới Việt Nam. Tuy nhiên, tùy vào quan hệ thương mại, độ mở thị trường và tài chính, cũng như hình thức hỗ trợ, ảnh hưởng của các gói này là khác nhau, dù vậy tác động tích cực cũng chỉ kéo dài đến hết năm 2024.
9. Trước những cơ hội và rủi ro cả bên trong và bên ngoài, kinh tế Quý IV/2021 khó có khả năng phục hồi nhanh, và vì vậy tăng trưởng năm 2021 của Việt Nam trong điều kiện tốt nhất sẽ vào khoảng gần 2%, khả dĩ hơn là khoảng từ 1,5-2%. Trong trường hợp phục hồi chậm và nhiều tình huống xấu do kiểm soát dịch bệnh, kinh tế 2021 có thể tăng trưởng ở mức khoảng 0,8%. Sang năm 2022, tùy vào bối cảnh thuận lợi cả trong và ngoài nước, tăng trưởng GDP được dự báo trong khoảng 5,8% và 6,7% trong kịch bản cao.
10. Trên cơ sở đánh giá những cơ hội và rủi ro của nền kinh tế, cũng như thực tế tăng trưởng trong thời gian COVID-19, để đảm bảo tăng trưởng và phục hồi nhanh, bền vững, cần một loạt giải pháp chính sách cả trong ngắn và dài hạn.
11. Trong ngắn hạn: là các biện pháp kiểm soát hợp lý COVID-19 kết hợp với gia tăng độ bao phủ vaccine. Các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người dân vượt qua khó khăn ngắn hạn vẫn cần được thực hiện khẩn trương, tuy nhiên cần chú ý về chi phí thực hiện chính sách, cũng như hiệu lực thực thi chính sách tương đối thấp hiện nay.
12. Trong dài hạn, cần chú ý cải thiện năng suất lao động, môi trường kinh doanh, đặc biệt cần coi chương trình hỗ trợ phục hồi kinh tế như một cơ hội để tái cấu trúc nền kinh tế, đổi mới thể chế chính sách, thực thi nghiêm kỷ luật công vụ và có những điều chỉnh phù hợp với phân cấp quản lý nhà nước. Các biện pháp thúc đẩy đầu tư công, đặc biệt là đầu tư cải thiện hạ tầng số và thúc đẩy doanh nghiệp áp dụng chuyển đổi số là cần thiết. Đồng thời, tận dụng gói hỗ trợ để phát triển một số ngành mũi nhọn, cải thiện chuỗi cung ứng và phát triển công nghiệp phụ trợ ở Việt Nam.
1. Báo cáo do Trung tâm Thông tin và dự báo kinh tế xã hội quốc gia (NCIF) - Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì và được hoàn thành với trợ giúp của các tư vấn trong nước bao gồm: PGS.TS.Nguyễn Văn Phúc (Viện kinh tế xã hội và công nghệ), TS.Nguyễn Thị Thanh Tân (Học viện Ngân hàng). Nhóm soạn thảo xin chân thành cảm ơn sự đóng góp ý kiến của các chuyên gia, đặc biệt các ông: Ông Nguyễn Tiến Phong (UNDP), TS.Jonathan Pincus (UNDP), TS.Lương Văn Khôi (Phó giám đốc, NCIF) và các chuyên gia khác trong và ngoài NCIF. Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về: TS.Trần Toàn Thắng, NCIF, toanthangciem@gmail.com, điện thoại 0898981172.

 [↑](#footnote-ref-2)